

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

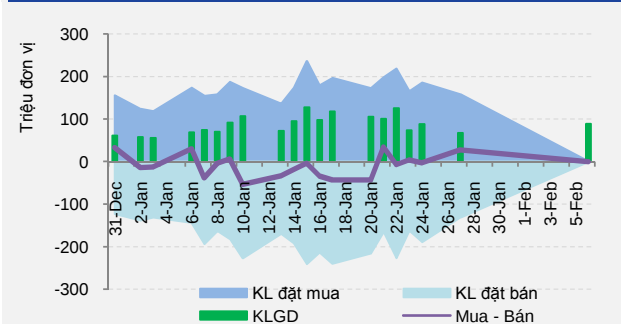
Phiên giao dịch ngày:

6/2/2014

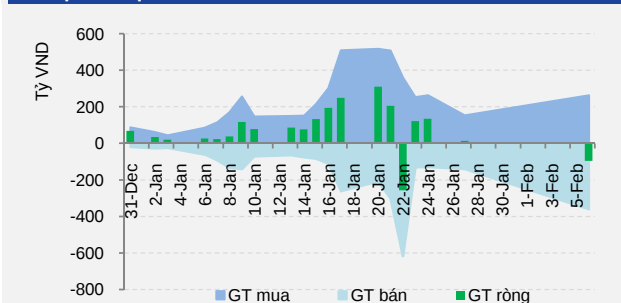
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	554.7	75.1
% Thay đổi	↓ -0.3%	↑ 1.1%
KLGD (CP)	89,235,280	39,758,473
GTGD (tỷ đồng)	1,514.27	362.52
Tổng cung (CP)	-	48,901,900
Tổng cầu (CP)	-	73,441,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	8,359,890	1,097,300
KL mua (CP)	5,828,560	1,772,530
GTmua (tỷ đồng)	263.40	26.92
GT bán (tỷ đồng)	359.81	26.56
GT ròng (tỷ đồng)	(96.41)	0.36

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.21%	8.2	1.9	3.5%
Công nghiệp	↑ 1.36%	374.0	1.2	16.9%
Dầu khí	↓ -2.15%	9.6	1.7	6.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.31%	15.5	2.0	1.0%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.26%	9.8	3.0	0.9%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.86%	13.2	5.3	15.7%
Ngân hàng	↓ -1.27%	14.1	1.4	6.3%
Nguyên vật liệu	↑ 1.63%	10.6	2.1	8.9%
Tài chính	↑ 0.81%	18.8	2.6	34.2%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -0.05%	10.4	3.9	6.3%
VN - Index	↓ -0.33%	13.9	3.1	80.7%
HNX - Index	↑ 1.12%	18.6	1.6	19.3%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	650,420	1.0%	952,530	1.4%
GTGD (triệu VND)	21,180	1.8%	23,624	2.0%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index giảm điểm trước tác động của nhóm cổ phiếu lớn BID, MSN, VIC và nhóm cổ phiếu Ngân hàng. Lực cầu có xu hướng tập trung vào nhóm cổ phiếu midcap, cổ phiếu penny đã có thời gian giao dịch tích lũy, nhóm cổ phiếu đã tăng nóng thời gian trước tết chịu áp lực cung khá mạnh. Chỉ số VNMidcap, VNSmallcap diễn biến tích cực hơn thị trường chung. Thanh khoản toàn thị trường cải thiện đáng kể trong phiên giao dịch đầu tiên sau kỳ nghỉ Tết, cho tín hiệu tích cực về dòng tiền. Theo quan điểm kỹ thuật, chỉ số VN-Index vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh giảm, phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 560 điểm (giao điểm của đường thẳng nối đỉnh của VN-Index trong 2 năm 2012-2013 và mức phục hồi 61.8% của đường Fibonacci Projection vẽ từ xu hướng tăng giá cuối năm 2012). Diễn biến điều chỉnh nhẹ với thanh khoản thấp, dòng tiền luân chuyển trong thị trường là tín hiệu tích cực. Xu hướng tăng điểm của thị trường chung vẫn duy trì.

Đối với sàn HNX, chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm thứ 4 liên tiếp nhờ diễn biến tích cực hơn của nhóm cổ phiếu tài chính, dầu khí, xây dựng. Dòng tiền vẫn chỉ tập trung tại một nhóm cổ phiếu có thanh khoản và kỳ vọng hoạt động kinh doanh tích cực. Diễn biến này khiến chỉ số HNX-Index chịu ảnh hưởng của một nhóm cổ phiếu chính, không phản ánh sát thực tế thị trường chung. Theo quan điểm kỹ thuật, chỉ số HNX-Index vẫn trong xu hướng tăng điểm, với ngưỡng cản kỹ thuật gần nhất là khoảng 78 điểm.

Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, khi xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn đang duy trì. Việc lựa chọn cổ phiếu nên quan tâm đến yếu tố cơ bản, thuộc ngành nghề được đánh giá triển vọng như dầu khí, xuất khẩu, xây dựng, VLXD, BĐS, được dòng tiền quan tâm.

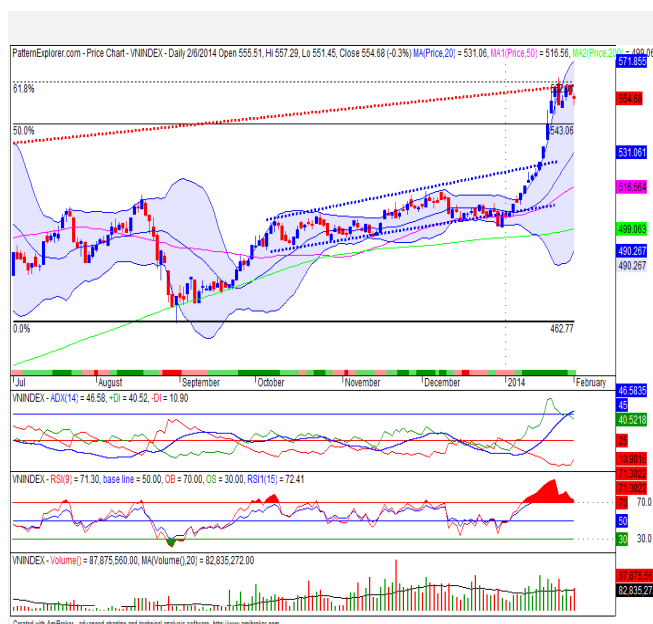
- Chỉ số VN-Index giảm 1.85 điểm (0.33%), xuống 554.67 điểm.

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.83 điểm (1.11%), lên 75.05 điểm nhờ diễn biến tích cực của nhóm cổ phiếu tài chính, dầu khí, xây dựng.

- Chỉ số PMI Việt Nam do HSBC tính toán tháng 1/2014 tăng lên 52.1 điểm, mức cao nhất trong 33 tháng trở lại đây và là tháng tăng thứ 5 liên tiếp. Đà tăng trưởng mạnh của lĩnh vực sản xuất cho thấy nhu cầu, cả trong và ngoài nước ngày càng cải thiện. HSBC kỳ vọng lĩnh vực xuất khẩu sẽ có một năm tăng trưởng tích cực.

- Trong kỳ họp cuối tháng 1, FED tiếp tục giảm 10 tỷ USD gói nới lỏng định lượng QE3 xuống 65 tỷ USD/tháng, bắt đầu áp dụng từ Tháng 2/2014. Đây là quyết định giảm Thứ 2 liên tiếp, sau lần giảm 10 tỷ USD trước đó vào tháng 12/2013. FED tuyên bố tiếp tục duy trì lãi suất cơ bản ở mức siêu thấp gần 0%. Tuy nhiên, việc cắt giảm khá nhanh chóng quy mô chương khiến TTCK toàn cầu lao dốc mạnh. Theo kế hoạch, FED sẽ cắt giảm hoàn toàn gói QE3 trong Q3/2014.

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index giảm 1.85 điểm (0.33%), xuống 554.67 điểm.
- KLGD tăng 34% so với phiên trước, lên 87 triệu đơn vị.
- Chỉ số RSI14 giảm xuống mức 72 điểm, tâm lý nhà đầu tư thận trọng hơn. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn đang dao động phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số VN-Index giảm điểm trước tác động của nhóm cổ phiếu lớn BID, MSN, VIC và nhóm cổ phiếu Ngân hàng. Lực cầu có xu hướng tập trung vào nhóm cổ phiếu midcap, cổ phiếu penny đã có thời gian giao dịch tích lũy, nhóm cổ phiếu đã tăng nóng thời gian trước tết chịu áp lực cung khá mạnh. Chỉ số VNMidcap, VNSmallcap diễn biến tích cực hơn thị trường chung. Thanh khoản toàn thị trường cải thiện đáng kể trong phiên giao dịch đầu tiên sau kỳ nghỉ Tết, cho tín hiệu tích cực về dòng tiền.

Về quan điểm kỹ thuật, chỉ số VN-Index vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh, phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 560 điểm (giao điểm của đường thẳng nối đỉnh của VN-Index trong 2 năm 2012-2013 và mức phục hồi 61.8% của đường Fibonacci Projection về từ xu hướng tăng giá cuối năm 2012). Chúng tôi duy trì đánh giá diễn biến điều chỉnh nhẹ với thanh khoản thấp sau nhiều phiên tăng nóng là tích cực. Xu hướng tăng điểm của thị trường chung vẫn duy trì.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.83 điểm (1.11%), lên 75.05 điểm nhờ diễn biến tích cực của nhóm cổ phiếu dầu khí, xây dựng.
- KLGD tương đương phiên giao dịch trước, ở mức thấp 31 triệu đơn vị.
- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 83 điểm, tiếp tục tiến sâu vào mức quá mua. Đường MACD 9 tiếp tục dao động phía trên đường tín hiệu, tuy nhiên khoảng cách đang thu hẹp lại.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm thứ 4 liên tiếp nhờ diễn biến tích cực hơn của nhóm cổ phiếu dầu khí, xây dựng sau một vài phiên điều chỉnh. KLGD toàn thị trường vẫn ở mức thấp, dòng tiền vẫn tập trung tại một nhóm cổ phiếu có thanh khoản và kỳ vọng hoạt động kinh doanh tích cực. Độ rộng thị trường tại sàn HNX vẫn chưa có nhiều cải thiện.

Chỉ số HNX-Index vẫn đang trong xu hướng tăng điểm, với ngưỡng cản kỹ thuật gần nhất là khoảng 78 điểm.

Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, khi xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn đang duy trì. Việc lựa chọn cổ phiếu nên quan tâm đến yếu tố cơ bản, thuộc ngành nghề được đánh giá triển vọng như dầu khí, xuất khẩu, xây dựng, VLXD, BĐS, được dòng tiền quan tâm.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.24
2	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.10
3	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.38
4	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	19.18
5	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	1.91
6	PXT	HOSE	69.76	-76.0%	0.77	670.0%	350.52	-47.2%	1.12	-76.1%	20.3%	0.71
7	PXS	HOSE	327.59	75.8%	27.21	604.9%	1009.34	-15.7%	76.39	13.3%	77.4%	11.13
8	SBA	HOSE	117.96	55.7%	56.9	519.2%	222.15	31.7%	66.56	256.3%	131.8%	0.01
9	APS	HNX	8.42	98.1%	6.53	445.5%	24.09	-22.4%	11.11	-21.6%	96.8%	15.60
10	VIG	HNX	1.89	-78.6%	5.37	442.4%	13.17	-29.2%	6.51	110.3%	135.3%	13.56

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.06
2	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	5.68
3	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	19.18
4	FIT	HNX	2.48	0.0%	16.09	0.0%	37.1	104.5%	34.1	291.5%	144.1%	0.06
5	SBA	HOSE	117.96	55.7%	56.9	519.2%	222.15	31.7%	66.56	256.3%	131.8%	0.01
6	PSI	HNX	33.2	28.9%	0.59	110.7%	150.64	19.7%	2.68	222.9%	133.3%	17.82
7	VNH	HOSE	20.84	42.1%	10.68	158.9%	84.75	-10.6%	9.38	197.3%	234.5%	1.52
8	NDN	HNX	22.88	-49.1%	2.42	-3.6%	132.33	-5.3%	19.17	165.1%	154.2%	0.09
9	ITQ	HNX	164.61	14.2%	0.15	107.2%	469.7	0.7%	2.66	153.3%	22.2%	-
10	NKG	HOSE	1495.16	93.4%	13.39	128.5%	4663.45	59.3%	55.57	152.9%	148.2%	0.01

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

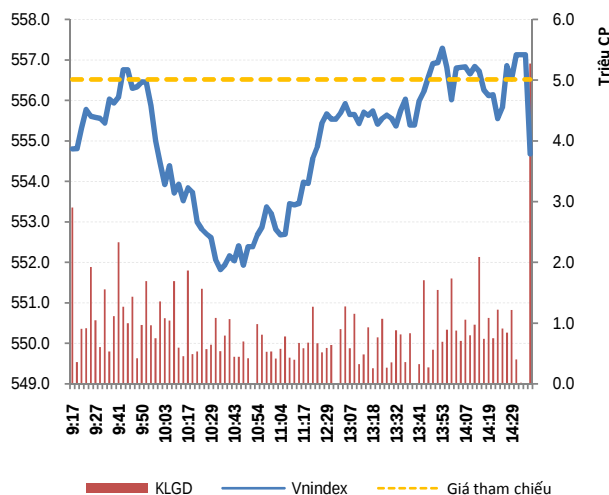
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	LAS	HNX	612.36	-25.0%	121.83	56.4%	4768.48	6.1%	447.23	13.5%	137.1%	11.69
2	DRC	HOSE	790.83	20.0%	96.05	1.3%	2798.95	0.5%	375.33	20.2%	120.0%	27.89
3	CSM	HOSE	801.19	5.1%	102.91	52.1%	3133.79	3.0%	360.64	42.1%	174.9%	12.99
4	HCM	HOSE	199.11	72.3%	101.85	165.9%	634.76	12.9%	282.17	14.5%	118.9%	49.00
5	SBT	HOSE	746.36	49.3%	107.64	-42.6%	2220.04	13.2%	239.01	-35.4%	87.3%	14.86
6	PGD	HOSE	1653.6	15.7%	6.29	-55.9%	6422.14	17.0%	209.1	-8.3%	161.5%	5.05
7	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	5.68
8	VND	HNX	76.9	78.5%	6.78	-22.8%	262.62	9.0%	124.43	58.2%	164.3%	28.10
9	CNG	HOSE	240.84	3.4%	29.28	9.3%	949.78	18.5%	123.91	5.1%	102.8%	27.65
10	DMC	HOSE	423.54	8.9%	31.27	27.9%	1429.61	13.4%	106.25	17.8%	101.2%	49.00
11	BVS	HNX	54.06	9.2%	7.1	296.6%	207.36	-0.6%	85.7	10.8%	147.4%	3.25
12	KSB	HOSE	156.36	2.0%	24.02	33.1%	538.53	-5.5%	83.72	-7.4%	95.4%	17.66

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 24/01/2014

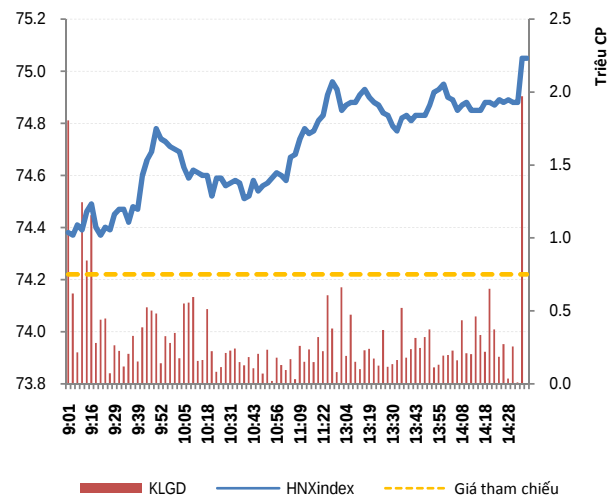


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

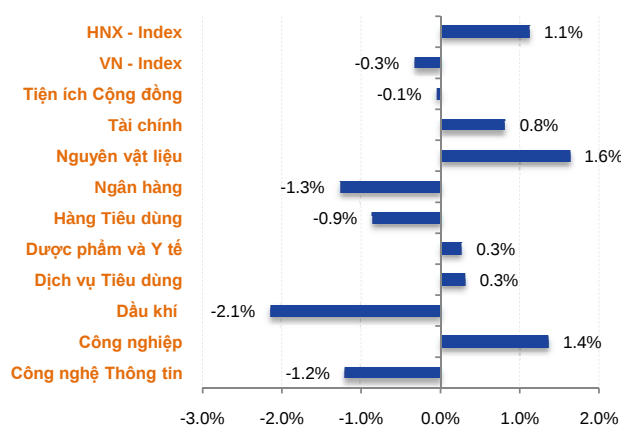
KLGD và VN-Index trong phiên



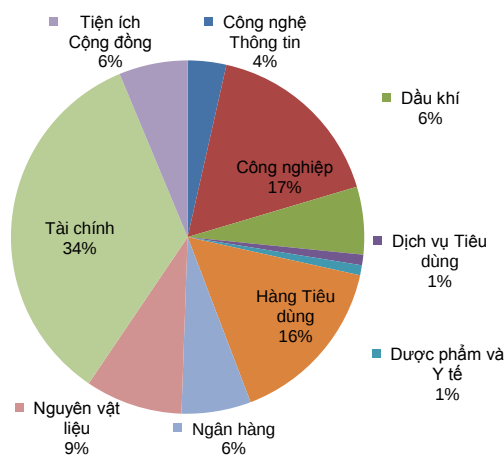
KLGD và HNX-Index trong phiên



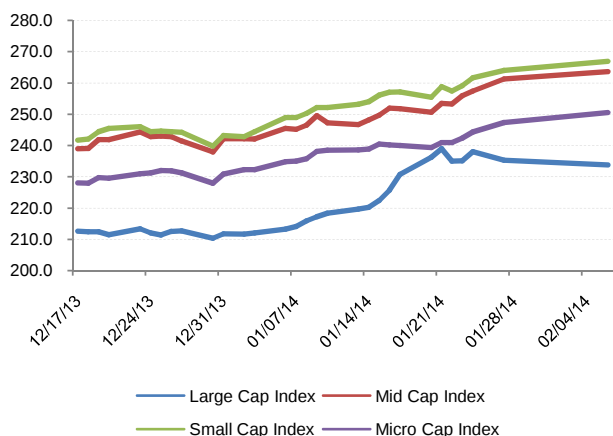
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



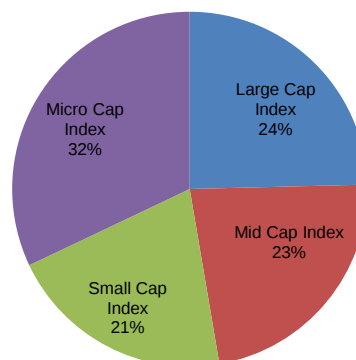
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DIG	609,410	HAG	1,159,270
2	DXG	435,040	VCB	557,120
3	STB	198,590	DPM	485,960
4	OGC	168,100	PVD	282,310
5	GMD	99,260	PVT	180,910

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	584,100	PVS	355,800
2	VCG	209,500	VAT	80,000
3	KLS	100,000	TV4	30,000
4	PFL	75,000	PVX	17,100
5	APS	50,000	MEC	13,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	7.3	7.6	↑ 4.11%	7,949,160
FLC	8.9	9.5	↑ 6.74%	5,233,940
SSI	23.0	23.5	↑ 2.17%	3,081,790
SAM	9.5	9.9	↑ 4.21%	3,045,290
PVT	11.9	12.6	↑ 5.88%	2,924,270

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	6.0	6.0	→ 0.00%	8,207,738
SHB	7.2	7.3	↑ 1.39%	3,730,410
PVS	28.0	28.2	↑ 0.71%	2,499,714
PVX	3.0	3.3	↑ 10.00%	2,268,488
VCG	11.1	11.3	↑ 1.80%	2,219,009

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VIS	10.0	10.7	0.7	↑ 7.00%
LGC	11.5	12.3	0.8	↑ 6.96%
SVI	37.4	40.0	2.6	↑ 6.95%
DIG	13.0	13.9	0.9	↑ 6.92%
NVN	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HNH	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
MDC	10.0	11.0	1.0	↑ 10.00%
PVX	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
VNC	13.0	14.3	1.3	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VTB	11.5	10.7	-0.8	↓ -6.96%
TLG	49.9	46.5	-3.4	↓ -6.81%
CLP	5.9	5.5	-0.4	↓ -6.78%
HRC	48.5	45.3	-3.2	↓ -6.60%
TSC	9.2	8.6	-0.6	↓ -6.52%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NPS	13.0	11.7	-1.3	↓ -10.00%
VNT	36.0	32.4	-3.6	↓ -10.00%
PHC	4.2	3.8	-0.4	↓ -9.52%
WCS	78.0	71.0	-7.0	↓ -8.97%
VBH	15.9	14.5	-1.4	↓ -8.81%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	7,949,160	0.2%	26	297.5	0.7
FLC	5,233,940	6.3%	990	9.6	0.6
SSI	3,081,790	9.9%	1,471	16.0	1.6
SAM	3,045,290	3.2%	590	16.8	0.5
PVT	2,924,270	5.9%	680	18.5	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	8,207,738	1.5%	116	51.5	0.8
SHB	3,730,410	17.1%	1,884	3.9	0.6
PVS	2,499,714	17.3%	2,872	9.8	1.6
PVX	2,268,488	-92.1%	(5,013)	-	0.9
VCG	2,219,009	3.4%	403	28.1	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VIS	↑ 7.0%	-4.3%	(565)	(19.0)	0.8
LGC	↑ 7.0%	2.3%	402	30.6	0.8
SVI	↑ 7.0%	31.3%	6,305	6.3	1.8
DIG	↑ 6.9%	0.2%	28	496.1	0.8
NVN	↑ 6.9%	-58.4%	(6,781)	(0.5)	0.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HNM	↑ 10.0%	2.3%	244	51.5	0.8
MDC	↑ 10.0%	13.4%	1,906	5.8	0.8
PVX	↑ 10.0%	-92.1%	(5,013)	(0.7)	0.9
VE4	↑ 10.0%	8.6%	1,229	7.2	0.6
VNC	↑ 10.0%	13.6%	2,076	6.9	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	609,410	0.2%	28	496.1	0.8
DXG	435,040	13.2%	1,453	9.3	1.2
STB	198,590	5.4%	703	29.9	1.6
OGC	168,100	-1.8%	(196)	-	1.0
GMD	99,260	4.3%	1,729	20.6	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	584,100	17.1%	1,884	3.9	0.6
VCG	209,500	3.4%	403	28.1	0.9
KLS	100,000	5.5%	716	13.5	0.7
PFL	75,000	-16.1%	(1,522)	-	0.3
APS	50,000	3.4%	285	15.8	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	145,915	40.9%	6,696	11.5	4.4
VNM	116,685	40.5%	8,053	17.4	6.9
VIC	68,669	47.1%	6,709	11.3	4.3
MSN	67,612	2.7%	552	166.6	5.1
VCB	64,656	9.8%	1,757	15.9	1.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,929	7.5%	1,027	15.8	1.2
PVS	12,597	17.3%	2,872	9.8	1.6
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
SHB	6,468	17.1%	1,884	3.9	0.6
OCH	5,540	5.9%	687	40.3	2.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	2.83	12.5%	1,402	6.7	0.8
BVH	2.26	9.0%	1,618	29.6	2.8
HVX	2.21	-7.7%	(703)	-	1.0
PXM	2.11	670.8%	(12,445)	-	(0.3)
HPG	1.66	18.6%	3,913	12.4	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	8.30	-0.2%	(21)	-	0.4
NVC	4.65	442.9%	(8,371)	-	(0.5)
BKC	4.55	-30.3%	(3,745)	-	1.3
PFL	3.55	-16.1%	(1,522)	-	0.3
YBC	3.50	-94.4%	(4,398)	-	1.8



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)